

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

#### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-KĐCLGDTL ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

#### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 44/50 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng thực hiện 11 nhóm giải pháp bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- GE TTKĐCLGD Thăng Long;
- Chủ tịch Hội đồng KĐCLGD;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phí Thị Nguyệt Thanh**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 5 năm 2023  
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          | 4,00                        | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          | 4,00                        | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          | 3,67                        | 2                  | 66,67                           |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          | 3,67                        | 2                  | 66,67                           |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 3                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | 3,80                        | 4                  | 80,00                           |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          | 3,86                        | 6                  | 85,71                           |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 3                          |                             |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.1            | 4                          | 4,20                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.3            | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.1            | 4                          | 4,20                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.5            | 5                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.1            | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.1           | 4                          | 4,00                        | 5                  | 83,33                           |
| Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.4           | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.5           | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.1           | 4                          | 4,00                        | 4                  | 80,00                           |
| Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.3           | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.4           | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                    |                                 |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 3,96           | 44              | 88,00                     |

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 5 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (CTĐT) của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, giai đoạn 2017 - 2022 cho thấy những điểm mạnh sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, được công bố công khai theo các hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có đầy đủ thông tin, được công bố công khai, đảm bảo các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; có sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức, đảm bảo bố trí hợp lý lộ trình học tập. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến công khai và được cán bộ, giảng viên và người học hiểu rõ và thực hiện. Hoạt động kiểm tra đánh giá được quy định rõ ràng, đa dạng và được công bố công khai, phổ biến cụ thể đến người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá, quản lý, công bố kịp thời đến từng người học. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên phục vụ được quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng theo theo nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kết quả hoạt động của đội ngũ giảng viên, nhân viên phục vụ được quản trị theo kết quả công việc thông qua hệ thống đánh giá năng lực với các tiêu chí (KPIs). Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định; được cập nhật hằng năm, được công bố công khai và có sự góp ý của các bên liên quan. Hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định rõ ràng; được các đơn vị chức năng, cố vấn học tập thực hiện. Môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc thân thiện, thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho các đối tượng trong Trường. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng đầy đủ trang thiết bị và luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng yêu cầu học tập và làm việc. Trung tâm Thông tin - Thư viện có đủ học liệu theo đề cương học phần của CTĐT; có hệ thống theo dõi về hoạt động của thư viện hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin của Trường được duy tu bảo dưỡng và cập nhật đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo quy định và được triển khai thực hiện; thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ, trong tình trạng tốt. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với sự tham gia của đơn vị chuyên môn; có các quy định, công cụ cần thiết để triển khai các hoạt động khảo sát, thu thập thông tin, làm căn cứ đề thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học. Hoạt động rà soát và đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, rõ ràng. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ

trợ khác được giảng viên, sinh viên đánh giá cao, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong Trường. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, thống kê, cập nhật hằng năm và đối sánh với sinh viên của các CTĐT khác trong Trường và với sinh viên cùng ngành của một số trường đại học trong nước. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt 100% và 100% có việc làm phù hợp với ngành đào tạo. Mức độ hài lòng của giảng viên, nhân viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về một số lĩnh vực hoạt động đã được xác lập hằng năm, phân tích, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường, Khoa Kinh tế - Quản trị cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Lấy ý kiến khảo sát/đánh giá mức độ đáp ứng của người học tốt nghiệp để rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT phù hợp với quy định; phát huy vai trò của Hội đồng Khoa học và Đào tạo khi điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát lại các chuẩn đầu ra của CTĐT để hoàn thiện theo quy định.

2. Xây dựng quy trình hướng dẫn và xác định mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; xác định nội dung học phần và chuẩn đầu ra của học phần; thường xuyên rà soát, đánh giá ma trận liên kết giữa các học phần chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo sự phù hợp và tương thích; khai thác ý kiến góp ý của các bên liên quan như cựu người học, nhà sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp khi thực hiện rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

3. Đánh giá mức độ phù hợp của các tổ hợp phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học để cải tiến, đổi mới các hình thức, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT; lấy ý kiến của các bên liên quan về nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá làm căn cứ cho hoạt động đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần để có cơ sở theo dõi và điều chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp.

4. Thẩm định đề cương học phần đảm bảo khâu thiết kế phương pháp dạy và học vừa đa dạng vừa phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, đánh giá sự tương thích của phương pháp dạy và học với việc đạt được chuẩn đầu ra để từ đó phân tích và thực hiện cải tiến phương pháp dạy và học; đa dạng hình thức dạy học và rèn luyện khả năng tự học của sinh viên; tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Xây dựng quy trình hoặc hướng dẫn cách thức thiết kế các hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học trong từng học phần; thực hiện phân tích, đánh giá đề thi, phân bố điểm sau khi thi để đảm bảo độ giá trị và tin cậy cũng như sự phù hợp của đề thi; đánh giá hiệu quả, công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá.

6. Cập nhật các văn bản quy định về tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý cho phù hợp với thực tế của Trường; xác định rõ đặc điểm, tính chất của các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên, để xác định khối lượng công việc cho phù hợp; thường xuyên tập huấn và cập nhật kiến thức, kỹ năng cho giảng viên về phát triển CTĐT và xây dựng chuẩn đầu ra; tăng cường các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cho giảng viên về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, hướng đến đạt chuẩn đầu ra của học phần/CTĐT; hỗ trợ kinh phí phù hợp thực hiện các loại hình nghiên cứu khoa học nhất là thực hiện đề tài các cấp và công bố khoa học quốc tế.

7. Rà soát vị trí việc làm và quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều chuyển nhân viên cho các vị trí làm việc cho phù hợp; rà soát nội dung phiếu khảo sát đội ngũ nhân viên về quản trị kết quả theo công việc và đặc biệt là thi đua khen thưởng tạo động lực để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

8. Khảo sát, thu thập thông tin từ các nhà tuyển dụng để phân tích, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia, đội ngũ giảng viên để xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp, đáp ứng yêu cầu đào tạo; tăng cường nghiên cứu rà soát, bổ sung quy trình giám sát sự tiến bộ của người học, giảm tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp muộn hằng năm; thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học; phân tách số liệu khảo sát theo từng ngành và có phân tích, đối sánh qua các năm để có cơ sở cải tiến chất lượng liên tục về lĩnh vực này.

9. Cải tiến việc thiết kế phiếu hỏi cho hoạt động khảo sát sự hài lòng của giảng viên và người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành để có đủ cơ sở cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng; cải thiện tốc độ đường truyền Internet thông qua việc nâng cấp thêm đường truyền Lease Line, nâng cấp kết nối và tăng băng thông các switch thông tầng.

10. Xây dựng, ban hành quy định về quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến các văn bản quản lý, điều hành các hoạt động của Trường nói chung và quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học nói riêng; tổ chức rà soát, đánh giá cải tiến quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và chương trình dạy học và cơ chế phản hồi của các bên liên quan; khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục như phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; đánh giá tổng thể hệ thống thu thập thông tin và cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến chất lượng đào tạo; phân tách kết quả khảo sát cho từng CTĐT nâng cao chất lượng của CTĐT. Nhanh chóng khắc phục các điểm tồn tại đã được chỉ ra trong quá trình kiểm định chất lượng của các CTĐT trước để khắc phục trong toàn trường.

11. Tập trung khắc phục tình trạng tỷ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp chậm; thực hiện tốt hơn công tác hướng nghiệp cho người học khi đăng ký vào ngành học cũng như tiếp tục hướng nghiệp cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất; tiếp tục tăng cường kết nối với các nhà sử dụng lao động, doanh nhân giỏi tham gia vào quá trình đào tạo hoặc giao lưu với sinh viên về yêu cầu và hoạt động nghề nghiệp trong thực tế; tăng mức đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo trong sinh viên. Kết quả khảo sát cần được tách riêng theo ngành đào tạo để việc cải tiến chất lượng của CTĐT được thiết thực và hiệu quả hơn.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.